

Hiệu quả kinh tế vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đối với cơ cấu kinh tế và lao động: nghiên cứu trường hợp tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2011-2017

Lê Phước Thành

Đảng ủy phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Đầu tư công trong giai đoạn 2011-2017 của tỉnh Vĩnh Long đã mang lại nhiều kết quả tích cực góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội của tỉnh phát triển. Một trong những kết quả tích cực đáng ghi nhận đó là tác động chuyển đổi cơ cấu kinh tế và chuyển dịch lao động theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa. Qua phân tích đánh giá các mặt đạt được cũng như các mặt còn khó khăn, hạn chế, tác giả có một số vấn đề khuyến nghị phù hợp để nâng cao hơn nữa hiệu quả vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh đối với chuyển đổi cơ cấu kinh tế và chuyển dịch lao động trong giai đoạn phát triển tới.

1. Dẫn nhập

Một trong những nội dung quan trọng của đường lối đổi mới KT của chính phủ là đổi mới cơ cấu KT, bao gồm cơ cấu KT ngành, cơ cấu KT vùng và cơ cấu thành phần KT và khi đó cơ cấu lao động sẽ chuyển dịch theo. Thông qua các chính sách quản lý kinh tế vĩ mô mà quan trọng nhất là chính sách phân bổ nguồn lực vốn đầu tư để tác động, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa. Trong giai đoạn 2011-2017, Tỉnh Vĩnh Long thực hiện tốt chủ trương này của chính phủ và đã đạt một số kết quả tích cực, đáng ghi nhận.

2. Đánh giá tác động vốn đầu tư phát triển từ sách nhà nước đối với cơ cấu kinh tế và chuyển dịch lao động của tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2017

Đầu tư (ĐT) phát triển (PT) làm chuyển đổi cơ cấu KT theo hướng tích cực: Giai đoạn 2011-2017 cơ cấu KT của tỉnh tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực, đúng hướng tương đối rõ nét, giảm dần tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng dần tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ; đến năm 2017 tỷ trọng công nghiệp-xây dựng chiếm 16,72%; dịch vụ chiếm 44,17% và nông, lâm nghiệp, thủy sản còn 33,6%.

Gọi: Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là khu vực I (KVI); Khu vực CN-XD là khu vực II (KVII); và khu vực dịch vụ là khu vực III (KVIII).

So sánh tốc độ tăng trưởng của 3 khu vực KT của giai đoạn 2011-2017 với giai đoạn 2006-2010 cho thấy tốc độ tăng trưởng của cả 3 khu vực giai đoạn 2011-2017 đều thấp hơn giai đoạn 2006-2010. Tăng trưởng KVI bằng 43,63% (2,26/5,18); khu vực II bằng 67,1% (10,95/16,32) và khu vực III bằng 52,02% (8,36/16,07) so với giai đoạn 2006-2010.

- Khu vực I: Suốt từ giai đoạn 2006-2010, KVI có xu hướng tăng trưởng không đều, năm 2010, năm cao nhất đạt đỉnh điểm với tốc độ tăng 9,41%. Nhưng từ năm 2011 đến 2017, tăng trưởng sụt giảm rất mạnh, năm 2016, năm thấp nhất chỉ đạt tốc độ tăng 1,44%, và năm cao nhất (2011) cũng chỉ đạt 6,16%. Năm 2017, tăng trưởng của KVI đạt ở mức thấp 2,18%.

So sánh tăng trưởng KVI giữa giai đoạn 2011-2017 với giai đoạn 2006-2010 cho thấy tăng trưởng giai đoạn 2011-2017 là 2,26%, thấp hơn giai đoạn 2006-2010 là 5,18%.

- Khu vực II: Giai đoạn 2006-2010, tăng trưởng KVII tăng rất mạnh, có thể nói, công nghiệp đã tăng trưởng nhảy vọt từ năm 2006 với mức tăng là 15,67% và tăng vọt lên 27,33% vào 2007. Sau năm 2007, tăng trưởng sụt giảm mạnh do tác động của khủng hoảng kinh tế chung, xuống còn 9,17%. Các năm 2009 và 2010 phục hồi dần, tăng trưởng tăng lên 14,04% (2009) và 16,13% (2010).

Tuy nhiên, sang giai đoạn 2011-2017, tăng trưởng KVII khá vững chắc, đã ổn định ở mức cao, trên 11%, có năm (2014) tăng mạnh lên 14,38%. Nguyên nhân, do tăng trưởng vốn ĐT, kết hợp với chất lượng nhân lực đã được chú trọng và ngày càng nâng cao.

- Khu vực III: Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cùng với xu thế chung của KVII. Giai đoạn 2006-2010 tăng trưởng cao, sang giai đoạn 2011-2017 ổn định ở

Bảng 1: Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh phân theo khu vực kinh tế (%)

Ngành KT	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
KVI	38,78	35,43	33,93	33,12	36,74	35,57	33,6
KVII	17,59	19,05	19,59	20,4	19,41	16,16	16,72
KVIII	38,82	41	42,29	41,95	42,48	42,88	44,17
Thuế sản phẩm trợ trợ cấp sản phẩm	4,81	4,52	4,39	4,53	5,37	5,39	5,51

Nguồn: Niên giám thống kê-Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long

mức khá. Giai đoạn 2006-2010, mức tăng trưởng năm cao nhất (2007) đạt gần 22%, mức thấp nhất là 13,27% (2006). Giai đoạn 2011-2017, nhìn chung ổn định ở mức tăng trưởng bình quân là 8,36%; năm cao nhất đạt 9,98% (2011) và năm thấp nhất đạt 6,26% (2014). Năm 2017 đạt mức tương đối cao là 8,8%.

Cơ cấu KT hợp lý sẽ thúc đẩy nền KT phát triển, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của tỉnh, áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất tăng cường công tác sản xuất kinh doanh.

Giai đoạn 2011-2017, vốn ĐT tăng nhanh, ĐT cho lĩnh vực nông-lâm-thủy sản vẫn tiếp tục tăng nhưng tỷ trọng ĐT vào khu vực này giảm dần và tăng dần cho khu vực công nghiệp và dịch vụ. Năm 2017, cơ cấu vốn ĐT có nhiều thay đổi đáng kể, chính điều đó tác động tích cực tới quá trình chuyển dịch cơ cấu KT.

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (VA) và vốn đầu tư (V) phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2011-2017 (%)

		2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Bình quân 2011-17*
KV I	Tốc độ tăng VA	6,16	3,08	1,56	2,89	2,13	1,44	2,18	2,78
	Tốc độ tăng V	-14,3	-14,2	82,3	3,75	2,13	22,36	0,94	11,86
KV II	Tốc độ tăng VA	8,77	11,46	10,26	14,38	10,92	12,44	9,28	11,97
	Tốc độ tăng V	-12,1	-3,81	12,31	5,27	4	15,11	4,39	3,60
KV III	Tốc độ tăng VA	9,98	7,08	8,9	6,26	8,1	8,24	8,8	8,19
	Tốc độ tăng V	-3,07	9,37	5,78	5,65	2,28	1,83	2,74	3,51

(Nguồn: Niên giám thống kê-Cục thống kê tỉnh Vĩnh Long)

Mặc dù giai đoạn 2011-2017, vốn đầu tư vẫn bảo đảm tốc độ tăng bình quân 3,84%/năm, nhưng đã không đủ lực thúc đẩy tăng trưởng KT phục hồi lại tốc độ tăng mạnh ở các năm 2010 và 2011, nguyên nhân là do phân bổ ĐT chưa hợp lý ở các khu vực KT. Trong khi KVII và KVIII là hai khu vực luôn đạt tốc độ tăng trưởng KT cao hơn KVI, nhưng tốc độ tăng trưởng vốn ĐT lại thấp hơn KVI (3,6% cho KVII và 3,5% cho KVIII). KVI là khu vực khó thể đạt tốc độ tăng trưởng KT cao, nhưng lại được ĐT với mức rất cao (11,86%), cao hơn gần gấp ba hai KVII và KVIII. Điều này cho thấy chuyển dịch cơ cấu KT ngành chưa hợp lý, vì bản chất của chuyển dịch cơ cấu KT ngành là sự phân bổ lại nguồn lực, trong đó phân bổ vốn ĐT là sự phân bổ nguồn lực quan trọng nhất. Nên để thúc đẩy tăng trưởng GRDP, giai đoạn tới, VL vừa phải tăng số lượng vốn, vừa phải tăng cường sử dụng hiệu quả (HQ) vốn ĐT thông qua phân bổ hợp lý vốn vào khu vực KT có năng suất cao.

* ĐT hiện quá làm chuyển dịch lao động giữa các khu vực KT theo hướng tích cực: Các số liệu tăng trưởng KT và sử dụng lao động của tỉnh trong quá trình phát triển đã khẳng định nguồn nhân lực có ảnh hưởng rất lớn đến tăng trưởng và phát triển KT. Trong những năm KT tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng trưởng lao động cũng tăng nhanh, trong khi tỷ lệ thất nghiệp đã giảm khá mạnh. Ngược lại, khi tốc độ tăng trưởng KT chậm lại, tốc độ tăng trưởng lao động trong nền KT lại giảm xuống, trong khi tỷ lệ thất nghiệp đã tăng lên.

Như vậy, quan hệ giữa tăng trưởng KT và sử dụng nguồn nhân lực trong nền KT của tỉnh khá chặt chẽ. Năm 2011, tốc độ tăng trưởng KT đạt mức cao 8,35% thì nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chiếm đến 0,71%;

Bảng 3: Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tăng trưởng lao động

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	BQ 2011-17*
Tăng trưởng GRDP (%)	8,35	6,4	6,57	6,69	6,75	5,2	5,6	6,51
Tăng trưởng lao động (%)	0,71	0,18	0,45	0,49	0,12	-0,05	-0,19	0,244

(Nguồn: Niên giám của các tỉnh theo Niên giám thống kê Vĩnh Long)

các năm từ 2012 đến 2015, tốc độ tăng trưởng KT giảm xuống mức cao vừa trên dưới 6% thì tốc độ tăng nguồn nhân lực cũng giảm theo còn từ 0,18% - 0,49%; hai năm 2016 và 2017 tốc độ tăng trưởng KT giảm xuống mức 5,2 và 5,6 thì nguồn nhân lực giảm tương ứng là -0,05% và -0,19%.

Bảng 4: Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế (VA) với tăng trưởng lao động (L) theo khu vực kinh tế giai đoạn 2011-2017 (%)

		2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	BQ 2011-17*
Chung	Tốc độ tăng VA	8,35	6,4	6,57	6,69	6,75	5,2	5,6	6,51
	Tốc độ tăng L	0,71	0,18	0,45	0,49	0,12	-0,04	-0,19	0,217
KVI	Tốc độ tăng VA	6,16	3,08	1,56	2,89	2,13	1,44	2,18	2,78
	Tốc độ tăng L	-1,3	-1,73	-3,51	-4,76	-5,98	-2,14	-2,2	-3,08
KV II	Tốc độ tăng VA	8,77	11,46	10,26	14,38	10,92	12,44	9,28	11,97
	Tốc độ tăng L	5,98	6,54	6,59	7,82	9,76	4,15	1,94	5,25
KV III	Tốc độ tăng VA	9,98	7,08	8,9	6,26	8,1	8,24	8,8	8,19
	Tốc độ tăng L	1,93	5,36	3,62	5,86	4,42	0,39	1,3	3,27

(Nguồn: Niên giám thống kê-Cục thống kê tỉnh Vĩnh Long)

Rõ ràng, trong điều kiện cơ sở hạ tầng còn thấp hơn cầu và tăng trưởng chủ yếu dựa trên phát triển theo chiều rộng ở VL trong các thập kỷ gần đây, khi nền KT tăng trưởng nhanh, nhu cầu sử dụng lao động tăng lên và qua đó lao động đã đóng góp tích cực vào quá trình tăng trưởng KT. Vì quan hệ giữa tăng trưởng KT và sử dụng lao động, vốn ĐT, đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có trong thời gian qua khá chặt, nên có thể nói quá trình phát triển KT VL trong các năm gần đây đã chủ yếu dựa trên các nhân tố tăng trưởng theo chiều rộng.

Do kết quả cơ cấu vốn ĐT được điều chỉnh, nên lực lượng lao động giữa các khu vực cũng có nhiều thay đổi.

Bảng 5: Tỷ lệ lực lượng lao động giữa các khu vực trong cơ cấu ngành KT giai đoạn 2011-2017 (%)

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100
KV I	57,14	56,04	54,02	51,02	47,91	46,91	45,99
KV II	16,24	16,29	17,16	18,88	20,69	21,56	22,02
KV III	26,63	27,67	28,82	30,10	31,39	31,53	32,00

(Nguồn: Niên giám thống kê-Cục thống kê tỉnh Vĩnh Long)

Lực lượng lao động đã được chuyển dịch từ khu vực sản xuất nông nghiệp sang khu vực sản xuất CN-XD và dịch vụ. Đến năm 2017, cơ cấu lực lượng lao động KVI chiếm 45,99% giảm 11,15% so năm 2011; cơ cấu lực lượng lao động KVII chiếm 22,02% tăng 5,78% so năm 2011; cơ cấu lực lượng lao động KVIII chiếm 32% tăng 5,37% so năm 2011.

3. Những vấn đề về tác động của vốn đầu tư phát triển từ sách nhà nước đối với cơ cấu kinh tế và lao động tỉnh Vĩnh Long đang gặp phải trong giai đoạn 2011-2017

Một là, chuyển dịch cơ cấu KT ngành còn chậm, chưa hợp lý do phân bổ ĐT chưa hợp lý ở các khu vực KT. Trong khi KVII và KVIII là hai khu vực luôn đạt tốc

độ tăng trưởng KT cao hơn KVI, nhưng tốc độ tăng trưởng vốn ĐT lại thấp hơn KVI. KVI là khu vực khó thể đạt tốc độ tăng trưởng KT cao, nhưng lại được ĐT với mức rất cao hơn gần gấp ba lần hai KVII và KVIII.

Hai là, phát triển KT của tỉnh trong các năm gần đây đã chủ yếu dựa trên các nhân tố tăng trưởng theo chiều rộng nên tăng trưởng KT và tăng trưởng lao động khá chặt chẽ: những năm KT tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng trưởng lao động cũng tăng nhanh, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm khá mạnh và ngược lại mặc dù xu hướng dịch chuyển lao động là tích cực theo hướng CNH-HDH từ khu vực có năng suất lao động thấp (nông nghiệp) sang khu vực có năng suất lao động cao (CN và dịch vụ).

Ba là, do xuất phát điểm kinh tế thấp và hiện cơ cấu lao động trong KVI còn chiếm tỉ trọng cao nên số lượng lao động chưa được đào tạo, chất lượng và năng suất lao động thấp. Khi chuyển dịch sẽ gặp nhiều khó khăn, bất cập.

4. Các khuyến nghị đối với tỉnh trong giai đoạn đầu tư tới

Một là, Tăng cường thu hút vốn ĐT, thực hiện điều chỉnh cơ cấu ĐT trên cơ sở điều chỉnh qui hoạch PT KT-XH theo hướng tăng cường HQ và sức cạnh tranh của nền KT, tạo ra nhiều lợi thế trong hội nhập trong bối cảnh CP chủ trương tái cơ cấu ĐT công và tình hình biến đổi khí hậu diễn ra hết sức gay gắt (hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở,...) sẽ ảnh hưởng rất lớn tới khu vực nông nghiệp-thủy sản.

Hai là, Vừa tăng mức ĐT cho nông nghiệp-thủy sản để phát huy tiềm năng, thế mạnh và giải quyết lao động, nhưng phải tăng nhiều hơn ĐT cho công nghiệp-xây dựng và dịch vụ là các ngành có năng suất tăng cao. Cụ thể như: ưu tiên PT CN chế biến gắn với phát triển vùng nguyên liệu tại địa phương. Sớm hình thành một số ngành KT mũi nhọn là nông nghiệp-thủy sản và phát triển du lịch-dịch vụ.

Ba là, Tăng cường ĐT cho công tác đào tạo nhất là đào tạo nghề cho khu vực nông thôn góp phần giải quyết việc làm và tạo điều kiện thu hút đầu tư cũng như chuyển dịch lao động.

5. Kết luận

Đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước hiệu quả sẽ thực hiện phân công lại lao động xã hội, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng và phát triển mạnh mẽ kinh tế-xã hội. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của mỗi khu vực trong tổng sản phẩm của tỉnh đã chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng của khu vực công nghiệp-xây dựng và dịch vụ; giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp-thủy sản, trong khi vẫn duy trì được tốc độ tăng của tất cả các khu vực và các ngành kinh tế. Đó là sự chuyển dịch cơ cấu đúng hướng và phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa-hiện đại hóa./.

Tài liệu tham khảo

Thái Bá Cán (2003), Quản lý tài chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, Nxb Tài chính.

Dương Đăng Chinh (2008), Quản lý tài chính công, Nxb tài chính Hà Nội.

Cục Thống kê Vĩnh Long (2012, 2014, 2017), Niên giám thống kê Vĩnh Long.

Tỉnh ủy Vĩnh Long (2016), Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ X.

Tỉnh ủy Vĩnh Long (2018), Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 15 tháng 3 năm 2018 về thực hiện các giải pháp phát triển bền vững kinh tế-xã hội tỉnh Vĩnh Long đạt khá của vùng Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 2020.

Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2012), Giáo trình kinh tế Đầu tư, Nxb Đại học kinh tế Quốc dân.

Võ Kim Sơn (1999), Phương pháp phân tích và dự báo kinh tế-xã hội cho các nhà quản lý, Nxb Khoa học — Kỹ thuật.